

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HC-ST

Ngày 21-9-2023

*“V/v Khởi kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DÂN NH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Minh Quán.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Lai và ông Vũ Đức Chung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Vũ Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 33/2023/TLST-HC ngày 09/6/2023 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐST-HC ngày 06/9/2023 giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Bà Đậu Thị P.

Địa chỉ: Số nhà 178 đường NTB, phường BC, thành phố LC, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phạm Tất C. Địa chỉ: Tổ 18 phường KT, thành phố LC, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số 091 đường Xuân Viên, phường SP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Phạm Tiến D. Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã SP. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:**

Bà Đậu Thị P khởi kiện quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Chủ tịch UBND thị xã SP về việc giải quyết khiếu nại lần đầu vì cho rằng quyết định này ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà P về quyền sử dụng 800m<sup>2</sup> đất mà bà P đã nhận chuyển nhượng của ông Trịnh Văn D vợ là Nguyễn Thị B, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 494161, cấp ngày 7/3/2005, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở; của bà Nguyễn Thị L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 108048, cấp ngày 14/02/2003, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở. Cụ thể một số nội dung như:

(1) Phần 2.2 của mục II quyết định số 511/QĐ-UBND có ghi: Căn cứ văn bản 244/CV-CATX ngày 3/3/2022 của Công an thị xã SP trả lời về thông tin nhân khẩu của công dân Vũ Văn A + Trịnh Thị H; công dân Nguyễn Thị L; công dân Trịnh Văn D vợ là Nguyễn Thị B đều không có thông tin là công dân tại tổ 10 thị trấn SP cũ (nay là tổ 4 phường PSP) lưu trữ tại tàng thư của công an thị xã SP. Như vậy UBND thị xã SP nhận định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu cho 03 hộ gia đình, cá nhân trên là không có đất, và không có người đã làm ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến quyền lợi của bà P. Trong khi bà P vẫn đang quản lý đất mà bà P đã nhận chuyển nhượng, hồ sơ cấp GCNQSDĐ lần đầu cho ông Trịnh Văn D có số hộ khẩu do Công an Thị trấn SP cấp ngày 24/09/2004.

(2) Ủy ban nhân dân thị xã SP giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND thị xã SP thu hồi và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu của các hộ ông Trịnh Văn D vợ là Nguyễn Thị B, giấy chứng nhận số AB 494161 cấp ngày 07/3/2005, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở và bà Nguyễn Thị L giấy chứng nhận số W108048 cấp ngày 14/2/2003, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở là trái pháp luật. Đây là hai giấy chứng nhận mà bà P đã nhận chuyển nhượng hợp pháp tại Văn phòng công chứng.

Vì vậy bà P khởi kiện đề nghị Tòa án Hủy quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của chủ tịch UBND thị xã SP về việc giải quyết khiếu nại của bà Đậu Thị P (lần đầu).

**Theo bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông Phạm Tiến D trình bày:**

### ***2.1. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại***

Ngày 25/3/2022, UBND thị xã nhận được đơn khiếu nại của bà Đậu Thị P, số nhà 178 đường NTB, Phường BC, thành phố LC; khiếu nại Kết luận thanh

tra số 614/KL-UBND ngày 14/03/2022 của UBND thị xã SP về trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một số hộ gia đình, cá nhân tại tổ 4, phường PSP, thị xã SP;

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Đậu Thị P, Thanh tra thị xã SP đã có buổi làm việc với bà Đậu Thị P, số nhà 178 đường NTB, Phường BC, thành phố LC, để xác minh và thu thập thông tin, tài liệu do bà Đậu Thị P cung cấp.

Ngày 05/4/2022, UBND thị xã SP ban hành Thông báo số 157/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 298/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại của bà Đậu Thị P, số nhà 178 đường NTB, Phường BC, thành phố LC; cùng ngày 05/4/2022, Tổ xác minh ban hành Kế hoạch xác minh nội dung đơn khiếu nại của công dân.

Ngày 14/4/2022, Tổ xác minh theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 ban hành Công văn số 07/CV-TXM về việc làm rõ một số nội dung liên quan đến giải quyết đơn khiếu nại của công dân gửi Trưởng Đoàn Thanh tra số 1156/QĐ-UBND ngày 28/8/2021 của UBND thị xã SP. Ngày 18/4/2022, Trưởng Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 28/8/2021 của UBND thị xã SP có Công văn số 08/CV-ĐTT về việc giải trình một số nội dung liên quan đến việc khiếu nại của công dân.

Ngày 12/5/2022, UBND thị xã ban hành Giấy mời số 147/GM-UBND về việc đối thoại giải quyết khiếu nại của công dân, đồng thời Chủ tịch UBND thị xã đã có giấy ủy quyền số 06/UBND-TT ngày 12/5/2022 về việc ủy quyền cho đồng chí Phạm Tiến D, Phó Chủ tịch UBND thị xã tham gia đối thoại việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đậu Thị P, có địa chỉ tại số nhà 178 đường NTB, Phường BC, thành phố LC.

Ngày 13/5/2022, Tổ xác minh theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND thị xã SP đã có báo cáo số 02/BC-TXM về việc báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thị xã xem xét và chỉ đạo.

Ngày 16/5/2022, UBND thị xã SP có buổi làm việc trực tiếp với người khiếu nại là bà Đậu Thị P, số nhà 178 đường NTB, Phường BC, thành phố LC và người đại diện theo ủy quyền của người khiếu nại là ông Phạm Tất C, tổ 18, phường KT, thành phố LC (văn bản ủy quyền được lập ngày 13/5/2022. Số công chứng 1007, Quyền số 02/2022.TP/CC-SCC/HĐGD của phòng Công chứng số 1 tỉnh Lào Cai). Tại buổi làm việc Tổ xác minh đã thông qua báo cáo số 02/BC-TXM ngày 13/5/2022 về việc báo cáo thẩm tra, xác minh đối với khiếu nại lần đầu của bà Đậu Thị P, số nhà 178 đường NTB, Phường BC, thành phố LC.

Ngày 24/5/2022, UBND thị xã SP ban hành Quyết định số 511/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Đậu Thị P, địa chỉ số nhà 178 đường

NTB, Phường BC, thành phố LC (Lần đầu).

Như vậy, về trình tự, thủ tục ban thực hiện giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND thị xã đối với nội dung khiếu nại của bà Đậu Thị P, số nhà 178 đường NTB, Phường BC, thành phố LC là đảm bảo theo quy định tại Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 Luật khiếu nại.

## **2.2. Kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu**

Theo nội dung đơn khiếu nại của bà Đậu Thị P, số nhà 178 đường NTB, Phường BC, thành phố LC, khiếu nại Kết luận thanh tra số 614/KL-UBND ngày 14/03/2022 của UBND thị xã SP về trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một số hộ gia đình, cá nhân tại tổ 4, phường PSP, thị xã SP. UBND thị xã SP có ý kiến như sau:

Nội dung thứ nhất: Khiếu nại phần 2, mục IV Kết luận thanh tra số 614/KL-UBND ngày 14/3/2022 của UBND thị xã SP về việc “Đề nghị bà Đậu Thị P khởi kiện người đã ký chuyển nhượng cho bà ra Tòa án để được xem xét, giải quyết theo Luật tố tụng dân sự”.

- Bà Đậu Thị P nhận chuyển nhượng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

+ Ông Đỗ Hữu C1 vợ là bà Nguyễn Thị L tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 138 ngày 26/12/2012 giấy chứng nhận số W108048 mang tên bà Nguyễn Thị L, tổ 10 thị trấn SP, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở. Căn cứ Văn bản số 308/CATP(QLHC) ngày 10/3/2022 của Công an thành phố LC về việc cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến công dân đã trả lời qua tra cứu tài liệu, sổ sách lưu tại Công an xã CD; sổ đăng ký thường trú (HK11) của Công an thành phố LC; thông tin công dân cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Công an thành phố LC không tìm thấy thông tin của 02 công dân là ông Đỗ Hữu C1 và vợ là bà Nguyễn Thị L.

+ Ông Trịnh Văn D vợ là bà Nguyễn Thị B tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 151 ngày 27/12/2012 giấy chứng nhận số AB494161 mang tên ông Trịnh Văn D vợ là bà Nguyễn Thị B, tổ 10 thị trấn SP, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở. Căn cứ văn bản số 244/CV-CATX ngày 03/3/2022 của Công an thị xã trả lời về thông tin nhân khẩu của công dân Vũ Văn A và Trịnh Thị H; công dân Nguyễn Thị L; công dân Trịnh Văn D vợ là bà Nguyễn Thị B đều không có thông tin là công dân tại tổ 10 thị trấn SP cũ (nay là tổ 4, phường PSP), lưu trữ tại Công an thị xã SP.

Như vậy tại các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đỗ Hữu C1 vợ là bà Nguyễn Thị L; ông Trịnh Văn D vợ là bà Nguyễn Thị B đều không có hộ khẩu thường trú tại tổ 10 và tổ 11, thị trấn SP, huyện SP, tỉnh Lào

Cai.

Sau khi ban hành Kết luận thanh tra số 614/KL-UBND, Đoàn thanh tra đã phát hiện một số nội dung còn sai sót, chưa chính xác nên đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân thị xã SP xin đính chính lại như sau: Tại mục IV trong Kết luận thanh tra, trong phần 2 có ghi “Đề nghị bà Đậu Thị P kiện người đã ký chuyển nhượng cho bà ra tòa án để được xem xét, giải quyết theo Luật tố tụng hành chính”; đính chính lại như sau: “Đề nghị bà Đậu Thị P khởi kiện người đã ký chuyển nhượng cho bà ra tòa án để được xem xét, giải quyết theo Luật tố tụng dân sự”. Liên quan đến quyền và lợi ích của bà Đậu Thị P, Kết luận thanh tra của UBND thị xã đề nghị bà khởi kiện ra tòa án là có cơ sở.

Nội dung thứ hai: Khiếu nại mục 1, phần V Kết luận số 614/KL-UBND ngày 14/3/2022 của UBND thị xã SP về việc “Giao phòng Tài nguyên & Môi trường tham mưu cho UBND thị xã SP thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu của các hộ ông Trịnh Văn D vợ là bà Nguyễn Thị B, giấy chứng nhận số AB 494161 cấp ngày 07/3/2005, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở và bà Nguyễn Thị L giấy chứng nhận số W108048 cấp ngày 14/2/2003, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở”.

Tại Kết luận thanh tra đã nêu hồ sơ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Tiến L1 vợ là bà Ngô Thị P1 có dấu hiệu giả mạo hợp đồng chuyển nhượng, giả mạo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu, giả mạo việc chuyển đổi vị trí đất và sai về hình thửa, diện tích, do đó đã kiến nghị thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tiến L1 vợ là bà Ngô Thị P1 theo điểm d, khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai 2013.

Kết luận thanh tra cũng nhận định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu cho các hộ gia đình, cá nhân trên là không có đất và không có người, dẫn đến việc chuyển nhượng trên là giả mạo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, do đó tại Kết luận thanh tra giao phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã tham mưu cho UBND thị xã SP thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu của các hộ ông Trịnh Văn D vợ là bà Nguyễn Thị B, giấy chứng nhận số AB 494161 cấp ngày 07/3/2005, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở và bà Nguyễn Thị L giấy chứng nhận số W108048 cấp ngày 14/2/2003, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở là có cơ sở.

Nội dung thứ ba: Khiếu nại quy trình làm việc của Đoàn Thanh tra số 1156, không làm việc với các hộ gia đình liên quan.

Quyết định 1156/QĐ-UBND ngày 28/8/2021 của UBND thị xã SP về việc thanh tra trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một số hộ gia đình, cá nhân tại tổ 4, phường PSP, thị xã SP, do đó nội dung thanh tra tập trung chủ yếu vào việc thanh tra

trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc này do cơ quan nhà nước tiến hành triển khai trình tự thủ tục các bước theo quy trình. Đoàn Thanh tra chủ yếu tập trung làm việc với các phòng ban liên quan, sau khi có kết quả thanh tra Đoàn Thanh tra mới mời các hộ gia đình cá nhân liên quan để thông qua dự thảo báo cáo kết quả Thanh tra và Kết luận thanh tra. Đoàn thanh tra có giấy mời số 02/GM-TT ngày 08/3/2022, tuy nhiên hộ gia đình bà Đậu Thị P vắng mặt với lý do không nhận được giấy mời.

Nội dung thứ tư: Xác minh làm rõ hồ sơ pháp lý việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ579013 năm 2007 cấp cho bà Nguyễn Thị T1 đã đảm bảo chưa? Vì bà P cho rằng diện tích đất này đã cấp chồng lên diện tích đất ở mà bà P đã nhận chuyển nhượng, do đó đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Tại kết luận thanh tra đã nêu về nguồn gốc cả 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: (1) Ông Trịnh Văn D vợ là bà Nguyễn Thị B, giấy chứng nhận số AB 494161 cấp ngày 7/3/2005, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở. (2) Bà Nguyễn Thị L, giấy chứng nhận số W108048 cấp ngày 14/2/2003, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở. (3) Ông Vũ Văn A vợ là bà Trịnh Thị H, giấy chứng nhận số AB 494159 cấp ngày 7/3/2005, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở. Đoàn Thanh tra đã xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu cho 03 hộ gia đình cá nhân trên là không có đất và không có người ở.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 579013, ngày 13/8/2007, mang tên bà Nguyễn Thị T1, diện tích 1.334m, mục đích sử dụng đất vườn rừng, thời hạn sử dụng đến tháng 4/2046, nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T. Vị trí thửa đất trên Giấy chứng nhận mang tên bà Nguyễn Thị T1 trùng với vị trí trên Giấy chứng nhận của hộ ông Nguyễn Tiến L1 (một thửa đất có 02 Giấy chứng nhận QSD đất) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tiến L1 đã xác định có dấu hiệu giả mạo hợp đồng chuyển nhượng, do đó Kết luận thanh tra đã kiến nghị thu hồi thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tiến L1 vợ là bà Ngô Thị P11 theo điểm d, khoản 2, Điều 106 Luật đất đai 2013.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị P là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà Đậu Thị P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.

**Tại phiên tòa sơ thẩm,**

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án: Đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng hành chính đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị P.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**[1] Về đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện:** Ngày 24/5/2022, chủ tịch UBND thị xã SP ban hành quyết định số 511/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Đậu Thị P. Việc ban hành quyết định hành chính này ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà P. Bên cạnh đó, Điều 42 Luật khiếu nại 2011 quy định: *“Hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 37 của Luật khiếu nại 2011 mà khiếu nại không được giải quyết hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính”*. Do đó quyết định hành chính của UBND thành phố LC là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và bà Đậu Thị P là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 115 Luật tố tụng hành chính, Điều 42 Luật khiếu nại 2011.

**[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:** Quyết định hành chính số 511/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 là quyết định do chủ tịch UBND thị xã SP ban hành, vì thế theo khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

**[3] Về thời hiệu khởi kiện:** Ngày 24/5/2022, chủ tịch UBND thị xã SP ban hành quyết định số 511/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Đậu Thị P. Ngày 24/5/2023, bà Đậu Thị P khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, đề nghị hủy quyết định số 511/QĐ-UBND ngày

24/5/2022. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116, Luật tổ tụng hành chính, việc khởi kiện của bà P nằm trong thời hiệu khởi kiện.

**[4] Xét tính hợp pháp của quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của chủ tịch UBND thị xã SP**

**4.1. Về thẩm quyền ban hành**

Khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại 2011 quy định về Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: *Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình.*

Bà Đậu Thị P khiếu nại kết luận thanh tra số 614/KL-UBND ngày 14/3/2022 của chủ tịch UBND thị xã SP, có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đậu Thị P. Do đó, Chủ tịch UBND thị xã SP ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền.

**4.2. Về trình tự, thủ tục ban hành**

Ngày 25/3/2022, bà Đậu Thị P có đơn khiếu nại Kết luận thanh tra số 614/KL-UBND ngày 14/03/2022 của Chủ tịch UBND thị xã SP.

Ngày 05/4/2022, UBND thị xã SP ban hành Thông báo số 157/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 298/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại của bà Đậu Thị P; cùng ngày 05/4/2022, Tổ xác minh ban hành Kế hoạch xác minh nội dung đơn khiếu nại của công dân.

Ngày 14/4/2022, Tổ xác minh theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 ban hành Công văn số 07/CV-TXM về việc làm rõ một số nội dung liên quan đến giải quyết đơn khiếu nại của công dân gửi Trưởng Đoàn Thanh tra số 1156/QĐ-UBND ngày 28/8/2021 của UBND thị xã SP.

Ngày 18/4/2022, Trưởng Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 28/8/2021 của UBND thị xã SP có Công văn số 08/CV-ĐTT về việc giải trình một số nội dung liên quan đến việc khiếu nại của công dân.

Ngày 12/5/2022, UBND thị xã ban hành Giấy mời số 147/GM-UBND về việc đối thoại giải quyết khiếu nại của công dân.

Ngày 13/5/2022, Tổ xác minh theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND thị xã SP đã có báo cáo số 02/BC-TXM về việc báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thị xã xem xét và chỉ đạo.

Ngày 16/5/2022, UBND thị xã SP có buổi làm việc trực tiếp với người khiếu nại là bà Đậu Thị P.

Ngày 24/5/2022, UBND thị xã SP ban hành Quyết định số 511/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Đậu Thị P, địa chỉ số nhà 178 đường NTB, Phường BC, thành phố LC (Lần đầu).

Như vậy, trình tự thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đúng quy định tại Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 Luật khiếu nại.

### **2.3. Về nội dung quyết định**

Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại số 511/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của chủ tịch UBND thị xã SP ở 02 nội dung:

(1) Bà Đậu Thị P cho rằng tại kết luận số 614/KL-UBND ngày 14/03/2022 của Chủ tịch UBND thị xã SP nhận định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu cho 03 hộ gia đình ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B; ông Vũ Văn A, bà Trịnh Thị H và bà Nguyễn Thị L không có đất và không có người đã làm ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến quyền lợi của bà P do bà P thực tế đã nhận chuyển nhượng từ các hộ gia đình này, hiện bà P đang quản lý, sử dụng trên diện tích đất nhận chuyển nhượng.

(2) Tại kết luận số 614/KL-UBND ngày 14/03/2022 của Chủ tịch UBND thị xã SP: Ủy ban nhân dân thị xã SP giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND thị xã SP thu hồi và huỷ các giấy chứng nhận QSDĐ số AB 494161 cấp ngày 07/3/2005 cấp cho ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B; giấy chứng nhận QSDĐ số W108048 cấp ngày 14/2/2003 của hộ bà Nguyễn Thị L là trái pháp luật vì đây là hai giấy chứng nhận mà bà P đã nhận chuyển nhượng hợp pháp tại Văn phòng công chứng.

Hội đồng xét xử nhận định:

**Đối với nội dung (1):** Ngày 03/3/2022, công an thị xã SP có văn bản số 244/CV-CATX đã xác định tại thời điểm cấp giấy CNQSDĐ không có thông tin về các công dân ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L trú tại tổ 10 thị trấn SP (nay là tổ 4 phường PSP). Như vậy, theo văn bản trả lời của công an thị xã SP, có căn cứ để xác định không có những công dân nêu trên tại địa phương khi UBND huyện SP (Nay là thị xã SP) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như khi ký hợp đồng chuyển nhượng. Vì vậy kết luận thanh tra cho rằng bà Đậu Thị P đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đỗ Hữu C1, bà Nguyễn Thị L; ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B có địa chỉ tại tổ 10 thị trấn SP (nay là tổ 4 phường PSP) nhưng thực tế không có những người này ở địa phương ghi trong hợp đồng là có căn cứ.

Về nguồn gốc đất chuyển nhượng: Căn cứ tài liệu do các đương sự cung cấp trong hồ sơ vụ án thấy rằng, nguồn gốc các diện tích đất ban đầu là của bà Nguyễn Thị T1 (Hiện nay đã chết). Trong thời gian từ năm 2003 đến năm 2005, bà T1 ký hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ 1.200 m<sup>2</sup> đất cho 03 hộ gia đình, cá nhân, mỗi hộ 400 m<sup>2</sup>, gồm: Ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B (được cấp GCNQSDĐ số AB 494161 ngày 07/3/2005, diện tích 400 m<sup>2</sup>), bà Nguyễn Thị L

(được cấp GCNQSDĐ số W108048 cấp ngày 14/02/2003, diện tích 400 m2), ông Vũ Văn A, bà Trịnh Thị H (được cấp GCNQSDĐ số AB 494159 cấp ngày 07/3/2005, diện tích 400 m2).

Năm 2007, ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B, hộ bà Nguyễn Thị L và hộ ông Vũ Văn A đã chuyển nhượng toàn bộ các diện tích đất trên cho ông Nguyễn Tiến L1, bà Ngô Thị P1. Tổng diện tích ông Nguyễn Tiến L1 và bà Ngô Thị P1 đã nhận chuyển nhượng là 1.200 m2. Sau đó ông L, bà P1 đã làm thủ tục và được UBND huyện SP cấp GCNQSDĐ số AK 981836 ngày 14/01/2008 với toàn bộ diện tích đất trên cùng với 134 m2 đất vườn rừng. Như vậy, toàn bộ diện tích đất hộ ông Trịnh Văn D, hộ bà Nguyễn Thị L nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị T1 đã chuyển nhượng cho hộ ông Nguyễn Tiến L1 và đã được ông Nguyễn Tiến L1 thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Tiến L1.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Đậu Thị P cung cấp các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập tại Văn phòng công chứng Lù Làn Kín vào tháng 12 năm 2012, giữa bà Đậu Thị P và các ông bà Trịnh Văn D, Nguyễn Thị B, Đỗ Hữu C1, Nguyễn Thị L, về việc chuyển nhượng các diện tích đất có GCNQSDĐ số AB 494161 cấp ngày 07/3/2005 và GCNQSDĐ số W 108048 cấp ngày 14/02/2003, chính là các diện tích đất mà các hộ ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B và hộ bà Nguyễn Thị L đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tiến L1, bà Ngô Thị P1 vào năm 2007. Sau khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B, ông Đỗ Hữu C, bà Nguyễn Thị L, bà Đậu Thị P thực hiện thủ tục đề nghị Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã SP đăng ký biến động, qua kiểm tra hồ sơ, chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã SP đã phát hiện những vi phạm nên UBND thị xã SP đã tiến hành thanh tra và Đoàn thanh tra đã xác định quá trình cấp quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B và hộ bà Nguyễn Thị L đã vi phạm pháp luật về đất đai, sau đó diện tích này đã được ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng cho hộ ông Nguyễn Tiến L1 từ năm 2007 và đã được cấp GCNQSDĐ. Do đó, kết luận của đoàn thanh tra UBND thị xã SP xác định hộ ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B và hộ ông Đỗ Hữu C, bà Nguyễn Thị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế không có đất và không có người và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là giả mạo là có căn cứ.

**Đối với nội dung (2):** Như đã phân tích ở trên cho thấy, ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất QSDĐ số AB 494161 cấp ngày 07/3/2005 và hộ bà Nguyễn Thị L được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số W 108048 cấp ngày 14/2/2003 là có vi phạm, sau khi có giấy chứng

nhận, ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tiến L1 và bà Ngô Thị P1 năm 2007, đến năm 2012 ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B và ông Đỗ Hữu C1, bà Nguyễn Thị L lại lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà Đậu Thị P. Vì vậy đoàn thanh tra đã kết luận có dấu hiệu giả mạo trong việc cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cũng như ký kết hợp đồng chuyển nhượng và kiến nghị UBND thị xã SP thu hồi và hủy giấy chứng nhận QSDĐ số AB 494161 cấp ngày 07/3/2005 cấp cho ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B và giấy chứng nhận QSDĐ số W 108048 cấp ngày 14/2/2003 cấp cho bà Nguyễn Thị L là có căn cứ. Đồng thời cũng kiến nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tiến L1, vợ Ngô Thị P1, đề nghị bà Đậu Thị P khởi kiện ông Trịnh Văn D, bà Nguyễn Thị B và ông Đỗ Hữu C1, bà Nguyễn Thị L ra Tòa án để được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Đối với các vấn đề khác trong quyết định giải quyết khiếu nại số 511/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của chủ tịch UBND thị xã SP: Người khởi kiện nhất trí và không có ý kiến gì về các vấn đề khác trong quyết định giải quyết khiếu nại, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy các vấn đề này đã được giải quyết đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy quyết định giải quyết khiếu nại số 511/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của chủ tịch UBND thị xã SP về việc giải quyết khiếu nại của bà Đậu Thị P (lần đầu) là đúng quy định, yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị P là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

***Vì các lý trên;***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ câu khởi kiện của bà Đậu Thị P về việc đề nghị Tòa án Hủy quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của chủ tịch UBND thị xã SP về việc giải quyết khiếu nại của bà Đậu Thị P (lần đầu).

2. Về án phí: Bà Đậu Thị P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000329 ngày 09/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Minh Quán**